

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 02 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Anh Tuấn

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Thanh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T (tên gọi khác: Li, Hung-S), sinh ngày 08/11/1991, (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: A.18.05, Luxgarden, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Tu Shu H, sinh ngày 04/7/1965, (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 71, khóm 02, phường Q, khu V, thành phố T, Đài Loan; chỗ ở hiện nay: Số 71, phố L, khu V, thành phố T, Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai do nguyên đơn cung cấp, chị Lê Thị Hồng T (Li, Hung-S) trình bày: Chị và anh Tu Shu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân tỉnh Bạc Liêu ngày 05/4/2013 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh Tu Shu H chung sống với nhau thời gian ngắn tại nhà của anh Tu Shu H ở Đài Loan. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán; Do kinh tế khó khăn, chị phải lao động kiếm tiền, cuộc sống rất vất vả nhưng không được gia đình chồng tôn trọng, yêu thương kể từ sau khi chị Thu

sinh con (bé gái). Anh Tu Shu H cũng không yêu thương và bảo vệ chị, nên ngày 18/9/2018 chị và con về Việt Nam sinh sống cho đến nay, anh Tu Shu H cũng không sang Việt Nam thăm con mặc dù chị liên lạc với anh Tu Shu H nhiều lần. Nay, chị thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị Thư xác định chị và anh Tu Shu H có 01 người con chung tên Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 (bé gái), hiện nay cháu Tu Ya M đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tu Shu H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh Tu Shu H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tu Shu H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhận được Bản trần thuật ý kiến của anh Tu Shu H đề ngày 08/12/2023 đã hợp pháp hóa lãnh sự có nội dung như sau: Anh và chị Lê Thị Hồng T (Li, Hung-S) tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/4/2013. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Tu Shu H đồng ý. Về con chung: Anh Tu Shu H đồng ý giao cháu Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 cho chị T nuôi dưỡng và anh yêu cầu được quyền thăm nom con; về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh Tu Shu H có yêu cầu không hòa giải và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T, xử cho chị T được ly hôn với anh Tu Shu H. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Tu Shu H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T phải chịu toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Tu Shu H là người nước ngoài, đang cư trú tại địa chỉ: Số 71, khóm 02, phường Q, khu V, thành phố T, Đài Loan; chỗ ở hiện nay: Số 71, phố L, khu V, thành phố T, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhận văn bản ghi nhận ý kiến của anh Tu Shu H được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Tu Shu H theo quy định của pháp luật. Do anh Tu Shu H có yêu cầu xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Tu Shu H.

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T. Ngày 16/01/2024, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị T là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị T. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp thể hiện chị T và anh Tu Shu H kết hôn ngày 05/4/2013, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị T và anh Tu Shu H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và văn bản trình bày ý kiến của chị T và anh Tu Shu H có sơ sở xác định, sau khi kết hôn chị T và anh Tu Shu H chung sống với nhau tại Đài Loan, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng ngôn ngữ, không quan tâm chăm sóc cho nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó, giữa chị T và anh Tu Shu H đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Tu Shu H là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T không cung cấp được giấy khai sinh của cháu Tu Ya M, căn Kết luận giám định AND do chị T cung cấp, thể hiện chị T và cháu Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 có mối quan hệ huyết thống mẹ-con với xác suất 99,999%. Đồng thời anh Tu Shu H xác định cháu Tu Ya M là con chung nên có đủ căn cứ xác định cháu Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 là con chung của chị T và anh Tu Shu H.

Nay, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tu Ya M, không yêu cầu anh Tu Shu H cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/01/2024, cháu Tu Ya M có nguyện vọng sống cùng chị T. Hội đồng xét xử, xét thấy: Việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do Tòa án quyết định căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Khi ly hôn, anh Tu Shu H đang cư trú ở nước ngoài và chị T đang trực tiếp nuôi cháu Tu Ya M. Để ổn định tâm sinh lý cho cháu Tu Ya M và chị T cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tu Ya M nên chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu Tu Ya M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Tu Shu M cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, lệ phí ủy thác tư pháp, chị Lê Thị Hồng T phải chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T (tên gọi khác: Li, Hung-S) đối với anh Tu Shu H.

Xử cho chị Lê Thị Hồng T (tên gọi khác: Li, Hung-S), sinh ngày 08/11/1991 được ly hôn với anh Tu Shu H, sinh ngày 04/7/1965.

#### **2. Về con chung:**

- Tiếp tục giao cháu Tu Ya M, sinh ngày 18/4/2016 (bé gái) cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Hồng T đang trực tiếp nuôi cháu Tu Ya M được giữ nguyên. Anh Tu Shu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Hồng T xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Phan Thị U đã nộp tạm ứng án phí thay cho chị Lê Thị Hồng T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000021 ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), chị Phan Thị U đã nộp lệ phí thay cho chị Lê Thị Hồng T số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000091 ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Thị Hồng T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Tu Shu H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện V;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**